| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**QUẬN ĐỒ SƠN**<br>**THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập -Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 15/2019/HS-ST
Ngày 03-10-2019

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Nguyễn Thanh Tùng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Loan

Bà Lưu Thị Hồng Thơm

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Nghiệp - Thư ký Toà án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà:*** Ông Vũ Duy Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 03-10-2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 11/2019/TLST-HS ngày 30-5-2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2019/QĐXXST-HS ngày 18-9-2019, đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn M, sinh ngày 09 tháng 7 năm 1992 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn Q, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Đ và bà Bùi Thị L; chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Có 02 tiền án đã được xóa án tích tại Bản án số 53/2011/HSST ngày 26-7-2011 của Tòa án nhân dân huyện Kiến Thụy xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản và Bản án số 07/2014/HSST ngày 20-02-2014 của Tòa án nhân dân huyện Kiến Thụy xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; bị tạm giữ từ ngày 02-7-2019 đến ngày 04-7-2019 chuyển tạm giam; có mặt.

2. Nguyễn Văn H, sinh ngày 17 tháng 7 năm 1990 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn Q, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H1 và bà Ngô Thị H2; chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 04-4-2019 đến ngày 05-4-2019 chuyển tạm giam; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn M:* Bà Đoàn Thị H - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý N; có mặt.

- *Bị hại:*

1. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1960; nơi cư trú: Tổ dân phố B, phường B, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

2. Chị Bùi Thị T, sinh năm 1978; nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường B, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Phạm Thị L, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn Q, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Người làm chứng*:

1. Anh Nguyễn Đức T, vắng mặt;

2. Anh Cao Văn C, vắng mặt;

3. Chị Ngô Thị H, vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn M và Nguyễn Văn H là bạn quen biết nhau từ trước. Khoảng 10 giờ 30 phút, ngày 25-11-2018, H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 15N1-083.15 đi đến khu vực cống Hoàng Xà thuộc Đại Lộc, xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy thì gặp M. M nói với H sử dụng xe mô tô đi đến địa bàn phường Bàng La, quận Đồ Sơn xem nhà nào có sơ hở thì trộm cắp tài sản. H đồng ý chở M đi. Khi đi qua nhà bà Nguyễn Thị D, thấy cửa mở, không nhìn thấy ai nên H dừng xe cạnh nhà bà D còn M xuống xe đi vào nhà. M thấy có nhiều bao cám nhãn hiệu Cánh Buồm Đỏ để ở gian ngoài cùng nên đã dùng 02 tay lấy 01 bao cám trọng lượng 25kg rồi đi nhanh ra chỗ H chờ sẵn. H điều khiển xe chở M về hướng xã Tú Sơn, huyện Kiến Thụy, khi đến ngã tư Tú Sơn thì M bán bao cám vừa trộm cắp được cho 01 người phụ nữ không quen biết với giá 120.000 đồng.

Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, H điều khiển xe mô tô BKS 15N1-083.15 chở M đến địa bàn phường Bàng La, quận Đồ Sơn. Khi đến cửa hàng Thường Tâm của chị Bùi Thị T ở tổ dân phố T thấy không có người trông coi, H dừng xe cách cửa hàng khoảng 5m nổ máy chờ M đi vào trong cửa hàng. Khoảng 01 phút sau, H thấy M mỗi tay cầm 01 cuộn dây điện màu vàng chạy nhanh ra chỗ H thì ngay lúc đó chị T phát hiện nên đã chạy theo hô hoán "trộm, trộm"; cùng lúc đó, anh Cao Văn C (là người đi đường) và anh Nguyễn Đức T (là hàng xóm đối diện nhà chị T) cũng nhìn thấy. H nhanh chóng điều khiển xe mô tô chở M bỏ chạy về hướng đê biển Bàng La, anh C điều khiển xe mô tô của mình đuổi theo nhưng không kịp.

Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, H và M điều khiển xe mô tô đến địa bàn xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy bán cho chị Phạm Thị Liên (là chủ cửa hàng) 02 cuộn

dây điện trên với giá 1.500.000 đồng. Số tiền bán bao cám 120.000 đồng, M và H đã cùng chi tiêu hết; số tiền bán dây điện 1.500.000 đồng, M đưa cho H 600.000 đồng, M giữ lại 700.000 đồng, M và H đã chi tiêu cá nhân hết số tiền này, còn 200.000 đồng mua ma túy để cả hai cùng sử dụng. Sau đó M và H bỏ trốn đến ngày 04-4-2019, H bị bắt; ngày 02-7-2019, M bị bắt theo Quyết định truy nã.

Tại Kết luận định giá số 01/KL-HĐĐG ngày 15-01-2019 và Công văn số 02/HĐĐG ngày 21-01-2019 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự quận Đồ Sơn kết luận: 02 cuộn dây điện màu vàng, nhãn hiệu TACHIKO có tổng giá trị 2.742.500 đồng.

Tại Kết luận định giá số 05/KL-HĐĐG ngày 11-4-2019 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự quận Đồ Sơn kết luận: 01 bao cám thức ăn hỗn hợp dạng viên, nhãn hiệu Cánh Buồm Đỏ, ký hiệu 1100, trọng lượng 25kg do CTCP dinh dưỡng Hồng Hà sản xuất có giá trị là 250.000 đồng.

Về vật chứng của vụ án:

- 02 cuộn dây điện màu vàng, nhãn hiệu TACHIKO đã được Cơ quan Điều tra trả lại cho chị Bùi Thị T; 01 bao cám nhãn hiệu Cánh Buồm Đỏ, trọng lượng 25kg hiện nay không thu hồi được;

- 01 xe mô tô, BKS 15N1-083.15, H và M sử dụng vào việc trộm cắp tài sản: Tài liệu điều tra cho thấy, chiếc xe này là tài sản của bà Ngô Thị H2 (mẹ đẻ của H), bà H2 không biết H sử dụng vào việc trộm cắp tài sản nên đã bán cho người không quen biết, hiện không thu hồi được.

Về trách nhiệm dân sự: M và H đã bồi thường cho chị T số tiền 2.400.000 đồng, bồi thường cho bà D số tiền 250.000 đồng. Chị T và bà D không yêu cầu M, H phải bồi thường thêm; chị L không yêu cầu M, H phải bồi thường dân sự.

Bản Cáo trạng số 15/CT-VKS ngày 11-9-2019 của Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn đã truy tố các bị cáo Phạm Văn M và Nguyễn Văn H về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà:

Các bị cáo M và H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn truy tố; các bị cáo thừa nhận đã cùng nhau chiếm đoạt 02 cuộn dây điện màu vàng, nhãn hiệu TACHIKO và 01 bao cám, nhãn hiệu Cánh Buồm Đỏ có giá trị đúng như bản Kết luận của Hội đồng định giá tài sản, vật chứng của vụ án bị Cơ quan Điều tra thu giữ đúng như Cáo trạng đã nêu. Các bị cáo thừa nhận việc bị điều tra, truy tố, xét xử là không sai, không bị ép buộc khai báo không đúng sự thật.

Bị hại là bà D, chị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị L vắng mặt, có đơn thể hiện việc bồi thường đã xong, không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người làm chứng anh T, anh C, chị H vắng mặt, Kiểm sát viên công bố lời khai phù hợp với lời khai của các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa.

Đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

Tại cơ quan Điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng của Viện Kiểm sát đã nêu. Do đó, Viện Kiểm sát giữ nguyên Cáo trạng đối với M và H về tội Trộm cắp tài sản. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường cho bị hại; bị hại đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo; riêng bị cáo H phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn M mức án từ 12 tháng đến 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo H đã tự nguyện bồi thường cho bị hại là chị T số tiền 2.400.000 đồng, bồi thường cho bà D số tiền 250.000 đồng; chị T và bà D không yêu cầu M, H phải bồi thường thêm. H không yêu cầu bị cáo M phải hoàn trả lại số tiền mà H đã bồi thường cho bị hại. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị L không yêu cầu M, H phải bồi thường dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về vật chứng của vụ án: 02 cuộn dây điện màu vàng, nhãn hiệu TACHIKO đã được Cơ quan Điều tra trả lại cho chị T; bao cám hiện nay không thu hồi được; chiếc xe mô tô biển kiểm soát 15N1-083.15, H và M sử dụng vào việc trộm cắp tài sản là tài sản của bà H2 - mẹ đẻ của H, bà H2 không biết H sử dụng vào việc trộm cắp tài sản nên đã bán cho người không quen biết, hiện không thu hồi được nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án, miễn án phí cho bị cáo M và buộc bị cáo H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Người bào chữa cho bị cáo M: Nhất trí với đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như các điểm, khoản, điều luật áp dụng đối với bị cáo mà Viện Kiểm sát đã đề nghị. Tuy nhiên, trước khi quyết định hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm các tình tiết sau:

Về giá trị tài sản để làm căn cứ truy tố: Đề nghị chỉ xác định giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt là 02 cuộn dây điện có giá trị là 2.742.500 đồng; không cộng hành vi chiếm đoạt 01 bao cám có giá trị 250.000 đồng vào tổng giá trị tài sản các bị cáo đã chiếm đoạt. Vì từ 10 giờ 30 phút đến 18 giờ cùng ngày 25-11-2018 các bị cáo thực hiện 03 hành vi trộm cắp tài sản; cụ thể 10 giờ 30 trộm cắp 01 bao cám, 13 giờ trộm cắp 01 bình gas, 18 giờ trộm cắp 02 cuộn dây điện và sau mỗi lần trộm cắp được tài sản các bị cáo đều mang đi tiêu thụ, lấy tiền ăn tiêu hết xong mới thực hiện hành vi trộm cắp tiếp theo. Như vậy, thời gian bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là không liên tục.

Về tình tiết giảm nhẹ, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải thành hai tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51; ngoài ra, tại phiên tòa, bị cáo khai có ông ngoại tham gia quân đội, được hưởng trợ cấp một lần và được Bảo hiểm xã hội cấp thẻ bảo hiểm khám chữa bệnh miễn phí, đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh gia đình bị cáo M, bố bị bệnh hiểm nghèo, cả bố và mẹ bệnh đều bị bệnh xã hội, sống nhờ trợ cấp xã hội hàng tháng, gia đình bị cáo nhiều năm thuộc hộ nghèo nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Từ những phân tích nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất theo mức án mà Kiểm sát viên đã đề nghị.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung Cáo trạng của Viện Kiểm sát đã truy tố và luận tội, các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai trái, rất ăn lăn hối hận và đề nghị Hội đồng xét xử cho giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:* Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra và Điều tra viên Công an quận Đồ Sơn; Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- *Về tội danh:*

[2] Lời khai của các bị cáo Phạm Văn M và Nguyễn Văn H tại phiên toà phù hợp các tài liệu điều tra có trong hồ sơ vụ án, được chứng minh bằng lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng; biên bản thu giữ, niêm phong vật chứng, kết luận định giá tài sản và các tài liệu

chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã làm rõ: Khoảng 10 giờ 30 phút, ngày 25-11-2018, tại tổ dân phố B, phường B, quận Đ, các bị cáo đã có hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt 01 bao cám nhãn hiệu Cánh Buồm Đỏ, trọng lượng 25kg của bà Nguyễn Thị D có giá trị theo Kết luận của Hội đồng định giá là 250.000 đồng và khoảng 18 giờ, ngày 25-11-2018, tại cửa hàng Thường Tâm thuộc tổ dân phố T, phường B, quận Đ, các bị cáo đã có hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt 02 cuộn dây điện màu vàng, nhãn hiệu TACHIKO của chị Bùi Thị T có giá trị theo Kết luận của Hội đồng định giá là 2.742.500 đồng; tổng giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt được là 2.992.500 đồng.

[3] Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự đầy đủ nên phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi mà mình thực hiện. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an trong khu vực, tạo dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện.

[4] Vì vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[5] Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng là có cơ sở và đúng với quy định của pháp luật.

[6] *Xét vai trò của các bị cáo:* Trong vụ án này, các bị cáo cố ý cùng thực hiện một tội phạm nên là đồng phạm theo quy định tại Điều 17 của Bộ luật Hình sự nhưng là đồng phạm giản đơn, không có sự câu kết chặt chẽ, phân công, phân nhiệm cụ thể. Bị cáo M đóng vai trò đầu vụ, là người khởi xướng, trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, trực tiếp bán các tài sản đã trộm cắp được và thực hiện việc phân chia tiền bán tài sản. Bị cáo H với vai trò tích cực, sử dụng phương tiện là xe mô tô chở M đi trộm cắp, bán tài sản trộm cắp và ăn chia tiền bán tài sản trộm cắp được. Như vây, bị cáo M phải chịu hình phạt nặng hơn bị cáo H.

*Về quan điểm của người bào chữa:*

[7] Về giá trị tài sản để làm căn cứ truy tố: Không chấp nhận ý kiến của người bào chữa về việc chỉ xác định giá trị tài sản chiếm đoạt là 02 cuộn dây điện. Vì, trong một khoảng thời gian từ 10 giờ 30 phút đến 18 giờ cùng ngày 25-11-2018, các bị cáo thực hiện 03 hành vi trộm cắp tài sản và các hành vi này kế tiếp nhau về mặt thời gian. Như vậy, hành vi trộm cắp tài sản là liên tục và các bị cáo phải chịu trách nhiệm về tổng giá trị tài sản đã chiếm đoạt.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Chấp nhận đề nghị của người bào chữa cho bị cáo được hưởng tình tiết thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải thành hai tình tiết giảm nhẹ. Không chấp nhận đề nghị của người bào chữa áp dụng tình tiết bị cáo có ông ngoại tham gia quân đội, được hưởng trợ cấp một lần, được Bảo hiểm xã hội cấp thẻ bảo hiểm khám chữa bệnh miễn phí do không cung cấp được tài liệu, chứng cứ và tình tiết hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn

là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[9] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[10] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo H đã tự nguyện thay mặt M bồi thường toàn bộ cho bị hại; bị hại có đơn đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Riêng bị cáo H nhân thân không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Vì vậy, cần cho bị cáo M hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và cho bị cáo H hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[11] *Về nhân thân:* Bị cáo M có 02 tiền án đã được xóa án tích đều về tội Trộm cắp tài sản, thể hiện bị cáo có nhân thân xấu, không có ý thức sửa chữa sai lầm, coi thường pháp luật. Cả bị cáo M và bị cáo H đều là đối tượng nghiện ma túy, sau khi phạm tội đều bỏ trốn, gây ảnh hưởng đến công tác điều tra vụ án. Vì vậy, đây cũng là những yếu tố cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[12] *Về trách nhiệm dân sự:* Bị cáo H đã tự nguyện bồi thường cho bị hại là chị T số tiền 2.400.000 đồng, bồi thường cho bà D số tiền 250.000 đồng; chị T và bà D không yêu cầu M, H phải bồi thường thêm. H không yêu cầu bị cáo M phải hoàn trả lại số tiền mà H đã bồi thường cho chị T, bà D. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị L không yêu cầu M, H phải bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[13] *Về hình phạt bổ sung:* Các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định và không có tài sản riêng, là đối tượng nghiện ma túy nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

*Về xử lý vật chứng:*

[14] 02 cuộn dây điện màu vàng, nhãn hiệu TACHIKO đã được Cơ quan Điều tra trả lại cho chị Bùi Thị T (là chủ sở hữu) là có căn cứ;

[15] 01 bao cám nhãn hiệu Cánh Buồm Đỏ, trọng lượng 25kg hiện nay không thu hồi được nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét;

[16] 01 xe mô tô, BKS 15N1-083.15, M và H sử dụng vào việc trộm cắp tài sản là tài sản của bà Ngô Thị H2, bà H2 đã bán cho người không quen biết, hiện không thu hồi được nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

*Về vấn đề khác:*

[17] Đối với bà H2 là chủ chiếc xe mô tô, biển kiểm soát 15N1-083.15, bà H2 không biết việc M và H sử dụng vào việc trộm cắp tài sản; chị Llà người đã mua 02 cuộn dây điện nhưng không biết đây là tài sản do H, M phạm tội mà có nên Cơ quan Điều tra không xử lý là đúng quy định pháp luật.

[18] Ngoài ra, quá trình điều tra còn xác định M và H trộm cắp 01 bình gas tại thôn 3, xã Tú Sơn, huyện Kiến Thụy vào ngày 25-11-2018, Cơ quan Điều tra đã có văn bản trao đổi với Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Kiến Thụy để giải quyết theo thẩm quyền là có cơ sở.

[19] *Về án phí:* Bị cáo M là người thuộc hộ nghèo nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án; bị cáo H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[20] *Về quyền kháng cáo:* Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Phạm Văn M 15 *(Mười lăm)* tháng tù về tội *"Trộm cắp tài sản"*. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 02-7-2019.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn H 09 *(Chín)* tháng tù về tội *"Trộm cắp tài sản"*. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 04-4-2019.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án,

Bị cáo Phạm Văn M được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm;

Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại là bà Nguyễn Thị D, chị Bùi Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Phạm Thị L có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15

ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người bào chữa;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND TP Hải Phòng;
- Cơ quan CSĐT Công an quận Đồ Sơn;
- Cơ quan THAHS Công an quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- Công an TP Hải Phòng (PV06, PC10);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thanh Tùng**